

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 396/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 453, ấp Quy N, xã Lương Q, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 1167, ấp Hòa B, xã Lương H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Lê Thị Yên N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Giồng C, xã Tân Lợi T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1965.

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1963.

ĐKTT: ấp Phú T, xã Châu H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp Hòa T B (Áp 5), xã Lương H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hoàng T1 số tiền 131.500.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền vay là 118.500.000 đồng (một trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Về án phí:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 1.643.750 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Hoàng T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 1.643.750 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.502.000 đồng (ba triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011245 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà T và ông T1 được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.858.250 đồng (một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền